TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2021/HN - ST
Ngày: 29/4/2021
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ và bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST - HNGĐ ngày 08/3/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXX - HN ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1980. (*Có mặt*)

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm: 1971. (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp MC, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh M chung sống với nhau từ năm 2000, trước khi chung sống anh chị có tìm hiểu nhau trước rồi mới tiền tới hôn nhân, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi đám cưới, anh chị về sinh sống tại ấp MC cho đến tháng 10/2020 thì anh chị ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh chị ly thân là do trong thời gian chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa thuận, thường hay cự cãi, anh M không quan tâm lo lắng cho vợ con mà thường hay ghen tuông vô cớ. Nay, chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không thê hàn gắn được nữa nên chị yêu

cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Trần Thanh M1, sinh ngày 15/7/2001 (đã trưởng thành) và cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 11/3/2007. Hiện nay cháu L đang chung sống cùng gia đình. Chị N yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn M khai như sau:*

Anh và chị N chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, anh và chị N luôn bất đồng quan điểm với nhau nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân, anh có nhiều lần hàn gắn với chị N nhưng không được. Nay, anh không đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Trần Thanh M1, sinh ngày 15/7/2001 (đã trưởng thành) và cháu Trần Thị Mỹ L, sinh ngày 11/3/2007. Hiện nay cháu L đang chung sống cùng gia đình. Cháu L có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh M xác định không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Chị N yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh M;

Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Đối với cháu M1 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác nhận không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Anh M yêu cầu:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị N;

Về con chung: Cháu L có nguyện vọng theo ai người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Đối với cháu M1 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M xác nhận không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay các

đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị N và anh M là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn M là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị N khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh M đang cư trú và sinh sống tại ấp MC, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn M chung sống từ năm 2000 nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (*UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú*) và cho đến khi chị N có đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn đối với anh M thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Như vậy, anh chị đã vi phạm theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc dù anh chị chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh M.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị N và anh M xác nhận, trong quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung là Trần Thanh M1 (*sinh ngày 15/7/2001*) và Trần Thị Mỹ L (*sinh ngày 11/3/2007*). Hiện nay, cháu M1 đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét. Đối với yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L của chị N, HĐXX xét thấy yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của cháu (*theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng ngày 08/02/2021*) nên HĐXX chấp nhận giao cháu L cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị N và anh M xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị N phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn M là vợ chồng.

2/ *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Trần Thị Mỹ L (*sinh ngày 11/3/2007*) cho chị N trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, chị N có quyền yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Anh M không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh M.

3/ *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0006257 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp án phí xong.

4/ *Quyền kháng cáo*: Chị N và anh M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 29/4/2021*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.